

HOÀN THIỆN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ GIÁM ĐỐC THẨM TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003

ThS. VŨ GIA LÂM *

1. Để đảm bảo nguyên tắc hai cấp xét xử trong tố tụng hình sự, những quan điểm nhận thức chưa chính xác về xét xử, cấp xét xử thể hiện trong quy định pháp luật tố tụng hình sự trước đây về cơ bản đã được Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 khắc phục. Hiện nay, giám đốc thẩm không còn được coi là một cấp xét xử nữa mà chỉ là một thủ tục tố tụng đặc biệt được áp dụng để xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Các quy định của BLTTHS về giám đốc thẩm đã tương đối hoàn thiện và cụ thể, giúp cho việc hiểu và áp dụng các thủ tục tố tụng này trong thực tế được dễ dàng và chính xác hơn.

Mặc dù vậy, khi nghiên cứu các quy định của BLTTHS về giám đốc thẩm cũng như tham khảo thực tiễn áp dụng các quy định này vẫn còn tồn tại không ít vấn đề vướng mắc cần khắc phục. Trong phạm vi bài viết này chúng tôi đề cập một số vấn đề cụ thể trong quy định của BLTTHS về giám đốc thẩm nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của chế định này.

Thứ nhất, việc dùng một số thuật ngữ pháp lý đối với thủ tục giám đốc thẩm, trong BLTTHS chưa thật sự chính xác. Điều 20 BLTTHS quy định ở Việt Nam hiện nay chỉ có hai cấp xét xử là cấp sơ thẩm và cấp phúc

thẩm. Do vậy, những thuật ngữ pháp lý tố tụng như “xét xử”; “phiên toà” chỉ nên sử dụng trong các chế định về xét xử mới hợp lý và chính xác. Bởi lẽ, thuật ngữ “xét xử” được hiểu là: “xem xét và xử các vụ án”;⁽¹⁾ thuật ngữ “phiên toà” được hiểu là: “lần họp để xét xử của toà án.”⁽²⁾ Tuy nhiên, trong số 18 điều luật quy định về thủ tục giám đốc thẩm của BLTTHS đã có ít nhất 4 lần sử dụng thuật ngữ “xét xử” tại các điều 277, 281 và 282, không dưới 10 lần sử dụng thuật ngữ “phiên toà” để nói về hoạt động giám đốc thẩm. Về lý luận, sử dụng thuật ngữ “xét xử” để nói về giám đốc thẩm là không chính xác vì mâu thuẫn với ngay tên gọi của chế định pháp luật này tại phần thứ sáu BLTTHS là “xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật” đồng thời, mâu thuẫn với quy định về tính chất của giám đốc thẩm quy định tại Điều 272 BLTTHS cũng như với nguyên tắc hai cấp xét xử quy định tại Điều 20 BLTTHS.⁽³⁾ Về thực tiễn, việc sử dụng thuật ngữ “phiên toà” để chỉ hoạt động giám đốc thẩm cũng chưa hoàn toàn thoả đáng. Bởi lẽ, việc giải quyết các yêu cầu của kháng nghị giám đốc thẩm thường được tiến hành theo thủ tục giống như một phiên họp của hội đồng giám đốc

* Giảng viên chính Khoa luật hình sự Trường Đại học Luật Hà Nội

thẩm với sự tham gia của đại diện viện kiểm sát. Tại phiên họp này, sự có mặt của người bị kết án, người có liên quan đến kháng nghị là không bắt buộc, chỉ trong trường hợp cần thiết toà án mới triệu tập họ. Thậm chí, khi đã triệu tập mà người bị kết án, người có liên quan đến kháng nghị vắng mặt thì hội đồng giám đốc thẩm vẫn tiến hành phiên họp của mình mà không xét đến lí do vắng mặt của họ. Hoạt động giám đốc thẩm tiến hành theo thủ tục "bút lục" mà đối tượng của nó chính là hồ sơ vụ án. Vì vậy, cần thay thế các thuật ngữ nói trên bằng các thuật ngữ khác phản ánh chính xác hơn tính chất của giám đốc thẩm và thống nhất với chính tên gọi của chế định này trong BLTTHS như: Thay thế thuật ngữ "xét xử" quy định tại các điều 277, 281, 282 BLTTHS bằng thuật ngữ "xét lại" hoặc "giám đốc thẩm" hay "giải quyết vụ án" tùy trường hợp cụ thể cho phù hợp; thay thế cụm từ "phiên toà giám đốc thẩm" trong các điều 277, 280, 281, 282, 283 BLTTHS bằng cụm từ "phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm".

Thứ hai, căn cứ kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm quy định chưa thật cụ thể, rõ ràng nên khó áp dụng. Thực tiễn giám đốc thẩm cho thấy vẫn còn nhiều trường hợp kháng nghị không chính xác dẫn đến tình trạng kéo dài quá trình giải quyết vụ án một cách không cần thiết. Mặc dù tỉ lệ không chấp nhận kháng nghị và giải quyết khác so với yêu cầu của kháng nghị tuy không nhiều nhưng cũng thể hiện chất lượng kháng nghị chưa thật sự bảo đảm. Lí do một phần là ở chỗ các căn cứ kháng nghị chưa chặt chẽ, cụ thể dẫn đến cách hiểu và vận dụng chưa thống nhất. Điều 273 BLTTHS quy định 4

căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm như sau:

- Việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc không đầy đủ;

- Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án;

- Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố và xét xử;

- Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự. Đối chiếu với quy định tại Điều 272 BLTTHS về tính chất của giám đốc thẩm thì các căn cứ đã xác định ở trên đều là những biểu hiện cụ thể của sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Tuy nhiên, nếu xét một cách thận trọng thì việc áp dụng các căn cứ nêu trên để kháng nghị trong mọi trường hợp có thể là chưa thật chính xác và cần thiết, bởi lẽ:

Căn cứ thứ nhất: "Việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc không đầy đủ", được hiểu là sự vi phạm pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã tiến hành hoạt động thẩm tra chứng cứ thông qua việc xét hỏi một cách qua loa, đại khái, nặng về hình thức hay không hỏi kĩ và sâu các tình tiết của vụ án, quá thiên về việc xác minh các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mà coi nhẹ hoặc bỏ qua các chứng cứ gỡ tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo hoặc ngược lại. Kết luận về những vấn đề thuộc nội dung vụ án chủ yếu dựa vào quan điểm của cơ quan điều tra và viện kiểm sát. Nếu quan niệm một cách thông thường như vậy mà đã cho rằng cần phải kháng nghị bản án đó theo thủ tục giám đốc thẩm thì chưa thật cần thiết. Bởi lẽ, việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc

không đầy đủ mới chỉ là điều kiện cần, đó là sự vi phạm pháp luật của hội đồng xét xử còn thực chất sự vi phạm đó có nghiêm trọng hay không thì không thể chỉ nhìn vào hành vi khách quan đó để kết luận ngay được. Ở đây vẫn còn thiếu điều kiện quan trọng nữa đó chính là hậu quả của sự vi phạm. Nếu tại phiên toà việc xét hỏi phiến diện, không đầy đủ ấy dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị cáo, của người tham gia tố tụng khác hoặc lợi ích của Nhà nước, của các cơ quan, tổ chức... việc kháng nghị để xét lại bản án, quyết định đó là cần thiết để sửa chữa vi phạm, khắc phục thiệt hại cho các bên liên quan. Trong trường hợp việc xét hỏi phiến diện, không đầy đủ ấy không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án thì việc kháng nghị giám đốc thẩm để xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đó là không cần thiết. Theo chúng tôi điều kiện nhằm đảm bảo cho việc sử dụng căn cứ này để kháng nghị giám đốc thẩm chính xác hơn là việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiến diện hoặc không đầy đủ phải gây ra thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của chủ thể nào đó của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Chủ thể đó có thể là người bị kết án, Nhà nước, cơ quan, tổ chức hoặc người tham gia tố tụng khác có liên quan.

Căn cứ thứ hai: “Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án”. Đây là trường hợp kết luận trong bản án, quyết định của toà án trái ngược với các tình tiết thực tế của vụ án đã được xác định bằng các chứng cứ có đủ độ tin cậy. *Vi dụ:* Các chứng cứ thu

thập được trong giai đoạn điều tra và chứng cứ mới xác định tại phiên toà cho phép đưa ra kết luận là bị cáo phạm tội hay phạm tội nặng nhưng hội đồng xét xử lại kết luận trong bản án là bị cáo không phạm tội hay phạm tội nhẹ hoặc ngược lại. Kết luận như vậy ngoài việc không đảm bảo nguyên tắc xác định sự thật của vụ án quy định tại Điều 10 BLTTHS chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của chủ thể nào đó của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự.

Căn cứ thứ ba: “Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố và xét xử”. Theo giải thích của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là trường hợp BLTTHS quy định bắt buộc phải tiến hành hoặc tiến hành theo thủ tục tố tụng đó nhưng cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng bỏ qua hoặc thực hiện không đúng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của bị can, bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án hoặc làm cho việc giải quyết vụ án thiếu khách quan, toàn diện.⁽⁴⁾ Chúng tôi hoàn toàn đồng ý với cách giải thích trên và cho rằng cần bổ sung vào khoản 3 Điều 273 BLTTHS điều kiện về hậu quả của sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để khi sử dụng căn cứ này kháng nghị giám đốc thẩm sẽ đảm bảo thật sự chính xác và cần thiết.

Căn cứ thứ tư: “*Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự*”. Những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự phải là những sai lầm trong việc giải quyết những vấn đề thuộc về

nội dung quan trọng của vụ án như: Định tội danh sai; áp dụng khung hình phạt không đúng; quyết định hình phạt không chính xác, trái với các nguyên tắc và căn cứ quyết định hình phạt. Hậu quả của những sai lầm này tất nhiên sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của chủ thể tham gia tố tụng đồng thời làm cho việc giải quyết vụ án không khách quan.

Do đó, bên cạnh việc tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các quy định pháp luật về căn cứ kháng nghị, cần sớm có sự giải thích và cụ thể hoá các căn cứ kháng nghị mà BLTTHS đã quy định bằng các văn bản hướng dẫn của ngành hoặc liên ngành.

Thứ ba, các quy định hiện nay của BLTTHS về số lượng thành viên hội đồng giám đốc thẩm của uỷ ban thẩm phán toà án cấp tỉnh và Hội đồng thẩm phán TANDTC cũng như về điều kiện để quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của các hội đồng này có giá trị pháp lí là chưa hợp lí.

Điều 281 BLTTHS quy định thành phần hội đồng giám đốc thẩm như sau:

1. Hội đồng giám đốc thẩm Toà hình sự TANDTC hoặc Toà án quân sự trung ương gồm ba thẩm phán. Nếu uỷ ban thẩm phán toà án nhân dân cấp tỉnh, uỷ ban thẩm phán toà án quân sự cấp quân khu hoặc Hội đồng thẩm phán TANDTC giám đốc thẩm thì phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán tham gia xét xử.

Quyết định của uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên của uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán tán thành.

2. Tại phiên toà giám đốc thẩm của uỷ ban thẩm phán TAND cấp tỉnh, uỷ ban thẩm phán toà án quân sự cấp quân khu hoặc Hội đồng thẩm phán TANDTC khi biểu quyết về nội dung kháng nghị thì phải biểu quyết theo trình tự những ý kiến đồng ý với kháng nghị, những ý kiến không đồng ý với kháng nghị. Nếu không có loại ý kiến nào được quá nửa tổng số thành viên của uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán biểu quyết tán thành thì phải hoãn phiên toà. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày ra quyết định hoãn phiên toà thì uỷ ban thẩm phán hoặc Hội đồng thẩm phán phải mở phiên toà xét xử lại vụ án với sự tham gia của toàn thể các thành viên.

Quy định như vậy sẽ gây khó khăn cho việc cơ cấu hội đồng giám đốc thẩm cũng như làm kéo dài quá trình giải quyết vụ án. Bởi vì, nếu cùng thời điểm lại có nhiều thành viên của uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán không có mặt tại toà án do nhiều lí do khác nhau thì khó có đủ thành phần hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm hợp lệ. Mặt khác, khi biểu quyết đồng ý hay không đồng ý với yêu cầu của kháng nghị mà không có loại ý kiến nào được quá nửa tổng số thành viên của cả uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán tán thành thì việc giải quyết vụ án sẽ tạm thời phải dừng để cơ cấu lại hội đồng giám đốc thẩm với đầy đủ các thành viên của uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán đồng thời quy định như vậy cũng phần nào ảnh hưởng tới chất lượng giải quyết các yêu cầu giám đốc thẩm do không đảm bảo yếu tố chuyên môn đối với thẩm phán của các hội đồng giám đốc thẩm. Hội đồng giám đốc thẩm trong trường hợp này không thể bao

gồm tất cả các thẩm phán chuyên trách một lĩnh vực cụ thể. Đây có thể là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến việc có các quyết định giám đốc thẩm chưa thật khách quan, trong một số trường hợp quyết định giám đốc thẩm huỷ bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc xét xử lại nhưng chưa chính xác và vì vậy việc điều tra, xét xử lại không làm thay đổi phán quyết của toà án đã ra bản án bị huỷ đó. Để khắc phục hạn chế nêu trên, cần có sự sửa đổi quy định của BLTTHS về thành phần hội đồng giám đốc thẩm của uỷ ban thẩm phán toà án cấp tỉnh và Hội đồng thẩm phán của TANDTC theo hướng giảm bớt về số lượng thành viên và đảm bảo tính chuyên môn về loại vụ, việc. Mặt khác, sửa đổi quy định về điều kiện có giá trị pháp lý của quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo nguyên tắc biểu quyết đa số (chỉ tính các thành viên trực tiếp tham gia hội đồng giám đốc thẩm mà không tính đến các thành viên khác của uỷ ban thẩm phán hoặc hội đồng thẩm phán không tham gia hội đồng như quy định hiện nay). Để có thể thực hiện được điều này, theo chúng tôi nên có sự cơ cấu lại hội đồng giám đốc thẩm tại uỷ ban thẩm phán hoặc Hội đồng thẩm phán theo hướng giảm số lượng thành viên nhưng lại đặt yếu tố chuyên môn lên hàng đầu. Chẳng hạn, có thể chọn phương án quy định thống nhất là dù xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm ở toà án nào thì số lượng thành viên tham gia hội đồng chỉ gồm ba thẩm phán chuyên trách.

2. Từ những phân tích và lí giải trên đây, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung một số quy định của BLTTHS như sau:

Thứ nhất, thay thế một số thuật ngữ mà

BLTTHS đang sử dụng trong quy định về giám đốc thẩm như sau:

Điều 277. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm

1. Kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm phải nêu rõ lí do và được gửi cho:

a) Toà án đã ra bản án hoặc quyết định bị kháng nghị;

b) Toà án sẽ xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm;

c) Người bị kết án và những người có quyền và lợi ích liên quan đến việc kháng nghị.

2. Nếu không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm thì trước khi hết thời hạn kháng nghị quy định tại Điều 278 của Bộ luật này, người có quyền kháng nghị phải trả lời cho người hoặc cơ quan, tổ chức đã phát hiện biết rõ lí do của việc không kháng nghị.

3. Trước khi bắt đầu phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm, người đã kháng nghị có quyền bổ sung kháng nghị nếu chưa hết thời hạn kháng nghị quy định tại Điều 278 của Bộ luật này hoặc rút kháng nghị.

Điều 280. Những người tham gia phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm.

Phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm phải có sự tham gia của đại diện viện kiểm sát cùng cấp.

Khi xét thấy cần thiết, toà án phải triệu tập người bị kết án, người bào chữa và có thể triệu tập những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm.

Điều 282. Chuẩn bị phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm và thủ tục phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm.

1. Chánh án toà án phân công thẩm phán

làm bản thuyết trình về vụ án tại phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm. Bản thuyết trình tóm tắt nội dung vụ án và các bản án, quyết định của các cấp toà án, nội dung của kháng nghị. Bản thuyết trình phải được gửi trước cho các thành viên hội đồng chậm nhất là bảy ngày trước ngày mở phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm.

2. Tại phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm, một thành viên của hội đồng giám đốc thẩm trình bày bản thuyết trình về vụ án. Các thành viên của hội đồng giám đốc thẩm phát biểu ý kiến và đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Nếu đã triệu tập người bị kết án, người bào chữa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị thì những người này được trình bày ý kiến trước khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu. Trong trường hợp họ vắng mặt thì hội đồng giám đốc thẩm vẫn có thể tiến hành việc giải quyết vụ án.

Điều 283. Thời hạn giám đốc thẩm

Phiên họp của hội đồng giám đốc thẩm phải được tiến hành trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị.

Thứ hai, sửa đổi bổ sung luật về căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm cho cụ thể và chính xác, dễ áp dụng và áp dụng có hiệu quả. Điều 273 BLTTHS cần sửa đổi bổ sung như sau:

Điều 273. Căn cứ để kháng nghị giám đốc thẩm

Bản án hoặc quyết định của toà án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, khi có một trong các căn cứ sau đây, dẫn đến việc xét xử sai gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công

dân, cơ quan, tổ chức.

1. Việc điều tra xét hỏi tại phiên toà phiên diện hoặc không đầy đủ;

2. Kết luận trong bản án hoặc quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án;

3. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong khi điều tra, truy tố và xét xử;

4. Có những sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng Bộ luật hình sự.

Thứ ba, sửa đổi bổ sung Điều 281 BLTTHS về thành phần hội đồng giám đốc thẩm nhằm đảm bảo tính chuyên môn cũng như giúp cho quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm được nhanh chóng.

Điều 281. Thành phần hội đồng giám đốc thẩm

1. Hội đồng giám đốc thẩm toà hình sự Toà án nhân dân tối cao hoặc Toà án quân sự trung ương gồm ba thẩm phán. Nếu uỷ ban thẩm phán toà án nhân dân cấp tỉnh, uỷ ban thẩm phán toà án quân sự cấp quân khu hoặc Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao giám đốc thẩm thì hội đồng giám đốc thẩm gồm ba thẩm phán chuyên trách về hình sự do chánh án toà án hoặc phó chánh án toà án cử.

2. Hội đồng giám đốc thẩm quyết định theo đa số./.

(1), (2). Xem: Từ điển tiếng Việt, Viện ngôn ngữ học, Nxb. Đà Nẵng 2004, tr.1148, 779.

(3). Điều 272 BLTTHS quy định giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, Điều 20 BLTTHS quy định nguyên tắc hai cấp xét xử.

(4). Xem: Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2003 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ ba "xét xử sơ thẩm" của BLTTHS năm 2003.